

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-PT

Ngày 29 tháng 01 năm 2018

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Hùng.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Chung.

Ông Trần Văn Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Tuyền - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vinh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vinh Phúc: Ông Nguyễn Xuân Sơn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vinh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2017/TLPT-HNGĐ ngày 31/10/2017, về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 39/2017/HNGĐ-ST ngày 12/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 95/2017/QĐPT-HNGĐ ngày 30/11/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1976.

Địa chỉ cư trú: Thị trấn Tr, huyện V, tỉnh Vinh Phúc. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Vũ Văn H, sinh năm 1973. (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Thị trấn Tr, huyện V, tỉnh Vinh Phúc.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Tr, huyện V, tỉnh Vinh Phúc.

Địa chỉ: Khu R, thị trấn Tr, huyện V, tỉnh Vinh Phúc.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phùng Thị Phương A - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn M - Chức vụ: Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Tr. (Vắng mặt)

- Ông Vũ Minh S, sinh năm 1943. (Có mặt)

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1939. (Có mặt)

- Anh Vũ Thế F, sinh năm 1981. (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Thị trấn Tr, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người kháng cáo: Anh Vũ Văn H, ông Vũ Minh S, bà Nguyễn Thị N và anh Vũ Thế F.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 39/2017/HNGĐ-ST ngày 12/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện V, nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/4/2017 cùng các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Hoàng Thị L trình bày: Chị kết hôn với anh Vũ Văn H ngày 09/9/1994. Trước khi cưới có tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tr (cũ) nay là UBND thị trấn Tr, sau khi cưới chị về ở chung cùng gia đình anh H được 05 tháng thì anh chị ra ở riêng (ở nhờ nhà bà Nguyễn Thị N1 dì anh H). Tình cảm vợ chồng ban đầu hạnh phúc, năm 1996 bố mẹ anh H mua đất của bà Vũ Thị I, Vũ Thị Đ, Vũ Thị B (là chị gái con ông bác) diện tích là 95m² trên đất có 05 gian nhà trít vách, 01 gian bếp trít vách trị giá nhà đất là 13.000.000đồng. Trong đó vợ chồng chị có đưa cho bố mẹ anh H 4.000.000đồng còn 9.000.000đồng là tiền của gia đình anh H, ngoài ra bà I, Đ, B còn cho ông Vũ Minh S (bố anh H) 95m² đất còn lại để ông S cúng tổ tiên (hai mảnh đất liền một thửa). Sau khi mua đất xong vợ chồng chị ở được vài năm đến năm 1998 thì vào thành phố Hồ Chí Minh làm ăn, năm 2001 về quê, năm 2008 vợ chồng phá nhà cũ để xây 01 ngôi nhà như hiện nay. Tháng 10/2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh H thường xuyên uống rượu, chửi đánh chị, ngoài ra anh H còn quan hệ bất chính với người đàn bà khác nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2015, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh H.

Anh Vũ Văn H trình bày: Anh thừa nhận chị L trình bày đúng về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống và thời gian vợ chồng đã sống ly thân. Nhưng anh xin bổ sung thêm nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng xảy ra từ tháng 7/2013, do chị L đi chơi đêm nhiều lần anh nói chị không nghe, trong cuộc sống vợ chồng có cãi chửi nhau còn anh không đánh chị L và không có quan hệ bất chính với ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn chị L xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Chị L, anh H thừa nhận có 03 con chung là cháu Vũ Thị Thu U sinh ngày 17/9/1995, cháu Vũ Mạnh T, sinh ngày 10/11/2003 và cháu Vũ Mạnh T1, sinh ngày 12/7/2007. Hiện nay cháu U đã học xong Đại học còn cháu T đang ở với anh H, cháu T1 đang ở với chị L. Khi ly hôn, chị L xin nuôi cháu T1 còn cháu T để cho anh H nuôi, anh H xin nuôi cháu T và cháu T1 không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung, còn cháu U trên 18 tuổi nên Chị L anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị L anh H xác nhận gồm có 01 ngôi nhà 02 tầng + 01 tum + 02 bậc hè bằng garitô; 01 gian công trình phụ; 01 gian nhà tạm (kho để đồ) + 02 bức tường bao loan khoảng 10m²; 01 chiếc tủ lạnh; 01 bộ bàn ghế bằng gỗ xoan; 01 tủ bếp; 01 chiếc ti vi nhãn hiệu Panasonic 32inh; 01 kệ để ti vi; 01 bể cá; 01 bếp ga + bình; 02 chiếc giường; 01 bể nước; 01 máy điều hòa; sân gạch + sân bê tông khoảng 68m²; trụ cổng + cánh cổng bằng sắt mái bằng tôn; tường rào bằng sắt khoảng 7,2m²; 01 lán để xe bằng cột sắt mái tôn ngoài ra không có tài sản gì nữa, toàn bộ số tài sản trên hiện nay anh H đang quản lý sử dụng. Còn việc Nhà nước có thu hồi một ít đất của anh chị để làm đường lộ 304 và đã đền bù tiền cho gia đình, ông Vũ Minh S nhận tiền và đã chi tiêu hết nay chị L, anh H không có ý kiến thắc mắc gì.

Ngoài ra chị L khai: Hai thửa đất ở trong đó có 95m² đất đứng tên anh Vũ Tiến D (tức anh H), 89m² đất đứng tên Vũ Văn H, Hoàng Thị L đã được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2000 và năm 2012 là tài sản chung của chị và anh H.

Anh H khai: Hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên không phải là tài sản chung của anh và chị L vì, thửa đất diện tích 95m² do bố mẹ anh mua cho anh từ năm 1996 để làm nơi thờ cúng. Thửa đất diện tích 89m² là của các chị gái con ông bác của bố anh cho bố anh là ông Vũ Minh S để làm nơi thờ cúng dòng họ.

Ly hôn chị L xin sử dụng thửa đất diện tích 95m² cùng ngôi nhà 02 tầng và các tài sản đồ dùng trong nhà, còn thửa đất 98m² để cho anh H sử dụng chị thanh toán chênh lệch tài sản cho anh H theo quy định của pháp luật.

Anh H không đồng ý cũng xin sử dụng thửa đất diện tích 95m² cùng ngôi nhà hai tầng và toàn bộ đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, còn thửa đất 98m² anh đồng ý chia cho chị L 1/3 nhưng trị giá bằng tiền theo giá của Hội đồng định giá.

Ngoài ra, chị L và anh H không yêu cầu phân chia tài sản nào khác.

Về tài sản riêng: Chị L, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị L anh H thừa nhận nợ Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Tr số tiền gốc là 100.000.000đồng và 820.000đồng tiền lãi từ tháng 8/2017 cho đến nay. Ly hôn chị L anh H đều xin trả nợ cho Quỹ tín dụng toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi trên.

Về đất canh tác: Chị L anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức: Chị L không yêu cầu anh H và gia đình thanh toán công sức.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Tr trình bày: Ngày 28/3/2015 anh Vũ Tiến D (tức a H) chị Hoàng Thị L có vay 100.000.000đồng tại Quỹ tín dụng, mục đích vay để mua xe ô tô, lãi suất tại thời điểm vay là 1%/ tháng. Khi vay tiền anh H, chị L có thể chấp 01 quyền sử dụng đất diện tích 95m², tại thửa số 135, tờ bản đồ số 04 ở khu 8 thị trấn Tr, trên đất có 01 nhà hai tầng và các công trình khác gắn liền với đất. Quá trình vay anh H

đã trả tiền lãi cho Quỹ tín dụng kể từ khi vay cho đến hết tháng 7/2017, số tiền gốc còn nợ là 100.000.000đồng. Nay chị L xin ly hôn anh H Quỹ tín dụng yêu cầu mỗi người phải trả 1/2 số nợ, vì khi vay tiền anh H là người đứng ra vay còn chị L là người thừa kế. Quỹ tín dụng không có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án giải quyết về số tiền anh H chị L còn nợ của Quỹ.

Ông Vũ Minh S, bà Nguyễn Thị N trình bày: Ông, bà là bố mẹ của anh H. Anh H kết hôn với chị L năm nào ông bà không nhớ, sau khi anh chị lấy nhau thì ở chung với gia đình tại thị trấn Tr. Năm 1996, 1997 ông bà mua khoảng 03 thước đất của các chị con ông bác là bà Vũ Thị B, Vũ Thị I, Vũ Thị Đ, Vũ Thị O (chết tháng 01/2017), trên đất có 04 gian nhà tre đóng đồ trị giá cả nhà và đất là 13.000.000đ. Ngoài ra bà B, bà I, bà Đ, bà O còn cho ông S 03 thước đất để làm nhà thờ tự, sau đó ông bà cho vợ chồng anh H, chị L ra ở vào nhà đất trên. Khoảng năm 1998 Nhà nước có thu hồi một ít đất của ông S và thửa đất đứng tên anh H để làm đường lộ 304 và có đền bù tiền cho gia đình cụ thể bao nhiêu ông bà không nhớ (ông S là người nhận tiền), thời gian này anh H, chị L đi làm ăn ở Miền nam không có nhà. Sau khi Nhà nước trả tiền đền bù đất ông S không nói cho anh H chị L biết, số tiền đền bù ông đã chi vào việc làm 01 gian quán để bán hàng, sau này anh H chị L đã đập bỏ gian quán. Năm 2008 anh H, chị L làm 01 ngôi nhà hai tầng, anh H đã được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm nào ông bà không nhớ. Còn thửa đất thứ hai đứng tên ông có diện tích khoảng hơn ba thước (95m²), trên đất không có tài sản gì. Ông đã được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2000 (thửa đất đứng tên anh H và thửa đất đứng tên ông liền một thửa). Năm 2012 ông được thọ 70 tuổi do sức khỏe yếu nên ông bà đã tặng cho anh H chị L thửa đất trên (khi đo lại diện tích thì còn 89m²). Khi cho hai bên có làm thủ tục tặng cho nên anh H, chị L đã được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi ông bà cho anh H 95m² đất và cho anh H, chị L 89m² đất thì anh Vũ Thế F (con trai út) của ông bà không có liên quan gì, vì anh F đã được gia đình cho đất ở chỗ khác.

Về tài sản chung, anh chị có 01 ngôi nhà hai tầng và các tài sản trong nhà do anh chị mua sắm được. Còn đất ở ông bà đề nghị Tòa án giải quyết không chia cho ai mà giao cho anh H thay ông bà quản lý sử dụng để làm nhà thờ họ.

Anh Vũ Thế F trình bày: Nguồn gốc thửa đất 95m² tại thị trấn Tr hiện nay vợ chồng anh H, chị L đang sử dụng là do bố mẹ anh mua của các bà chị họ. Khi mua bố mẹ phải bán 01 phần đất ở thị trấn Tr để lấy tiền mua thửa đất trên trị giá nhà đất là 13.000.000đồng. Đối với phần đất bố mẹ anh đã bán để lấy tiền mua đất là tài sản của bố mẹ, anh không có quyền lợi gì, khi bố mẹ mua đất anh không đưa tiền cho bố mẹ. Năm 2012 bố mẹ anh làm hợp đồng tặng cho anh H, chị L diện tích đất trên anh không biết, nhưng anh H, chị L xây dựng công trình trên đất anh có biết và không có ý kiến gì. Nay chị L cho rằng toàn bộ diện tích

đất là tài sản chung của chị và anh H anh không đồng ý. Đây là tài sản của bố mẹ anh và anh cũng có quyền lợi đối với diện tích đất này, vợ con anh không liên quan gì vì không cùng hộ khẩu với anh và bố mẹ.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 39/2017/HNGĐ-ST ngày 12/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định:

Áp dụng các Điều 33, 51, 55, 59, 62, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị L và anh Vũ Văn H.

Xử: Về con chung giao cho chị Hoàng Thị L tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cháu Vũ Mạnh T1, sinh ngày 12/7/2007 đến khi trưởng thành hoặc khi anh H có yêu cầu khác.

Giao cho anh Vũ Văn H tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cháu Vũ Mạnh T, sinh ngày 10/11/2003 đến khi trưởng thành hoặc khi chị L có yêu cầu khác.

Chị L, anh H không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Về tài sản chung: Giao cho chị Hoàng Thị L quản lý, sử dụng 66,9m² đất ở, thửa đất số 135a, tờ bản đồ số 04 tại thị trấn Tr, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc và sở hữu 01 gian nhà tạm (kho để đồ) và một phần bể nước (đất chia đến đâu thì bể nước đến đấy); 02 bức tường bao loan; 01 bậc hè bằng garitô; khoảng 48m² sân gạch + sân bê tông (đất chia đến đâu thì sân gạch sân bê tông đến đấy); trụ cổng + cánh cổng bằng sắt mái bằng tôn; 01 lán để xe bằng cột sắt mái tôn tổng cộng trị giá là 237.400.000đ (Hai trăm ba mươi bảy triệu bốn trăm ngàn đồng).

Phần diện tích đất giao cho chị L quản lý, sử dụng có ranh giới các chiều tiếp giáp: Cạnh 3-4 giáp nhà ông Đỗ Mạnh G rộng 4,30m; Cạnh 4-5 giáp nhà bà Vũ Thị Đ, ông Đào Văn X dài 15,10m; Cạnh 3-6 giáp nhà anh Vũ Văn H dài 16,54m; Cạnh 6-5 giáp đường nhựa 304 rộng 4,30m (có sơ đồ kèm theo).

Giao cho anh Vũ Văn H quản lý, sử dụng 114,5m² đất ở, thửa đất số 135 và 135a, tờ bản đồ số 04 tại thị trấn Tr, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc và sở hữu 01 ngôi nhà 02 tầng + 01 tum + 01 bậc hè bằng garitô và một phần bể nước (đất chia đến đâu thì bể nước đến đấy); 01 gian công trình phụ; 01 chiếc tủ lạnh; 01 bộ bàn ghế bằng gỗ xoan; 01 tủ bếp; 01 chiếc ti vi 32inch nhãn hiệu Panasonic; 01 kệ để ti vi; 01 bể cá; 01 bếp ga + bình; 02 chiếc giường; 01 máy điều hòa; khoảng 20m² sân gạch (đất chia đến đâu thì sân gạch đến đấy); 7,2m² tường rào tổng cộng trị giá là 749.900.000đ (bảy trăm bốn mươi chín triệu chín trăm ngàn đồng). Nhưng buộc anh Vũ Văn H phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Hoàng Thị L 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Phần diện tích đất giao cho anh H quản lý, sử dụng có sơ đồ kèm theo.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật.

Về công nợ: Giao cho anh Vũ Văn H chịu trách nhiệm trả nợ Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Tr, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc số tiền cả gốc và lãi là 100.820.000đ (Một trăm triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng) tính lãi đến tháng 8/2017 và trả lãi theo hợp đồng tín dụng số 15081/HĐTD ngày 28 tháng 03 năm 2015.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi án sơ thẩm xử xong, anh H, ông S, bà N và anh Vũ Thế F kháng cáo cùng một nội dung: Không đồng ý với bản án sơ thẩm xác định quyền sử dụng đất là tài sản chung của vợ chồng và không đồng ý phân chia tài sản là quyền sử dụng đất; đề nghị đưa các bà I, B, Đ tham gia tố tụng; hủy hai quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh H, chị L. Lý do: Quyền sử dụng đất mà anh H, chị L đang đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản ông S được tặng cho có điều kiện, điều kiện là ông S được sử dụng đất nhưng chỉ được làm nhà thờ họ Vũ, không được chuyển nhượng hay cho tặng ai. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét, làm rõ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện V, lý do: Cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu của bà I, bà Đ, bà B cũng như không đưa những người này tham gia tố tụng. Cấp sơ thẩm chưa xem xét thấu đáo Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản. Như vậy là vi phạm nghiêm trọng, tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi xem xét đơn kháng cáo của anh H, ông S, bà N và anh F, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của anh H, ông S, bà N và anh F được làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Khi giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã lấy lời khai của các đương sự, theo đó tất cả các đương sự trong vụ án đều thừa nhận nguồn gốc hai thửa đất, trong đó một thửa đứng tên anh H chị L được ông S nhận chuyển nhượng sau đó sang tên cho anh chị, thửa đất còn lại là do các bà B, I, Đ, O tặng cho ông S để làm nhà thờ họ Vũ. Trong quá trình giải quyết vụ án, các bà Vũ Thị B, Vũ Thị I, Vũ Thị Đ có đơn đề nghị tòa án xem xét không chia diện tích đất các bà cho ông S vì các bà cho ông S chỉ để làm nhà thờ họ Vũ, kèm theo đơn đề nghị là văn bản

tặng cho ngày 26/3/1996 (BL 52 - 53). Tuy nhiên cấp sơ thẩm đã không xem xét đơn và tài liệu kèm theo đơn cho nên đã xác định cả hai thửa đất này là tài sản chung của vợ chồng và chia là chưa có cơ sở.

Khi xem xét lời trình bày của các đương sự về nguồn gốc hai thửa đất và văn bản cho đất ngày 26/3/1996 có trong hồ sơ thì có nội dung người tặng cho nêu điều kiện là chỉ làm nhà thờ họ Vũ, không được chuyển quyền sử dụng; quá trình sử dụng ông S đã chuyển quyền sử dụng cho anh H với mục đích thay ông thực hiện việc làm nhà thờ. Như vậy đây là hợp đồng tặng cho có điều kiện, điều kiện là: Chỉ làm nhà thờ họ Vũ. Thấy rằng ông S đã vi phạm điều kiện tặng cho nên người tặng cho có quyền đòi lại tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 3 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Như vậy, cần thiết phải đưa các bà Vũ Thị B, Vũ Thị I, Vũ Thị Đ, Vũ Thị O (bà O đã chết thì cần xác định những người thừa kế) tham gia tố tụng để xem xét đối với quyền sử dụng đất các bà đã tặng cho ông S, nhưng cấp sơ thẩm đã không thực hiện.

Ngoài ra, khi xem xét nghĩa vụ trả nợ của vợ chồng đối với khoản nợ Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Tr thì cần phải xem xét tính hợp pháp của hợp đồng vay và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất cũng như các thủ tục pháp lý kèm theo nhưng cấp sơ thẩm đã không xem xét. Hồ sơ thể hiện có hai hợp đồng tín dụng cùng một số tiền nhưng đối tượng thừa kế khoản vay là hai người khác nhau là ông S và chị L, các hợp đồng này đều không có chữ ký của người vay vào từng trang của hợp đồng. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất không được đăng ký giao dịch bảo đảm.

Như vậy, với những vi phạm nêu trên của cấp sơ thẩm, tại phiên toà phúc thẩm không thể khắc phục được, cần huỷ bản án sơ thẩm về phần xác định tài sản chung của vợ chồng, chia tài sản và nghĩa vụ trả nợ đối với khoản nợ của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Tr.

Khi thụ lý lại vụ án, yêu cầu đưa người tặng cho tài sản vào tham gia tố tụng để xác định quyền sử dụng thửa đất những người này tặng cho ông S có là tài sản chung của anh H chị L hay không?; xem xét toàn bộ hồ sơ vay vốn của vợ chồng tại Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Tr.

[3] Án phí: Anh H, ông S, bà N, anh F không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Huỷ Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 39/2017/HNGĐ-ST ngày 12/9/2017 của Toà án nhân dân huyện V về phần chia tài sản và nghĩa vụ trả nợ. Chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân huyện V giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí: Anh Vũ Văn H, ông Vũ Minh S, bà Nguyễn Thị N và anh Vũ Thế F không phải chịu án phí phúc thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng đã nộp tại các biên lai số AA/2016/0004003, AA/2016/0004004 và AA/2016/0004005 ngày 27/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Tòa Dân sự, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Quang Hùng